Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ: ……

(*Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☑; Nội dung không đúng thì để trống: □*)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☑; Giảng viên thỉnh giảng □

Ngành: Công nghệ Thông tin; Chuyên ngành: Khoa học Máy tính

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Đặng Thanh Hải

2. Ngày tháng năm sinh: 23/03/1982; Nam ☑; Nữ □; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: □

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Tùng Châu, Đức Thọ, Hà Tĩnh.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Dự án nhà ở cho CBCS Tổng cục V - BCA, Tổ dân phố Hoàng 7A, P. Cổ Nhuế 1, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Phòng 301 – Nhà E3

144 – Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội (Văn phòng Khoa Công nghệ thông tin – Trường Đại học Công nghệ – ĐHQGHN)

Điện thoại nhà riêng: …; Điện thoại di động: 0968560869; E-mail: hai.dang@vnu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 09/2004 đến tháng 12/2007: Giảng viên tạo nguồn tại Trường ĐH Công nghệ, ĐHQGHN.

Từ tháng 01/2008 đến tháng 12/2011: Nghiên cứu sinh tại Trường ĐH Antwerp, Bỉ.

Từ tháng 01/2012 đến tháng 04/2013: Trưởng dự án nghiên cứu, Bệnh viện Đại học Antwerp, Bỉ.

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên cơ hữu; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Chủ nhiệm Bộ môn.

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Công nghệ Thông tin, Trường ĐH Công nghệ, ĐHQGHN.

Địa chỉ cơ quan: Nhà E3, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 024 37547461

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): ……..…….……

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ……năm ……..……

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): ……..……..

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): ……..…… ……

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 22 tháng 06 năm 2004; số văn bằng: QC003743; ngành: Công nghệ Thông tin, chuyên ngành: Công nghệ Thông tin; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 11 tháng 04 năm 2007; số văn bằng: QM004365; ngành: Công nghệ Thông tin; chuyên ngành: Công nghệ Thông tin; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 16 tháng 12 năm 2011; số văn bằng: 20074373/11; ngành: Công nghệ Thông tin; chuyên ngành: Khoa học Thông tin; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Antwerpen, Vương quốc Bỉ.

- Được cấp bằng TSKH ngày … tháng … năm ....; số văn bằng: ……..; ngành: …….; chuyên ngành: ……; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): …….

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày …… tháng ……. năm ……. ,

ngành: ……..……..

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường ĐH Công nghệ, ĐHQGHN.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Công nghệ Thông tin.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu: Học máy/Học sâu/Thông minh nhân tạo và ứng dụng trong Y-Sinh-Dược học, gồm các hướng chính sau:

- Tin Sinh học và Sinh học tính toán

- Xử lý dữ liệu y văn

- Học máy liên tục và ứng dụng

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 01 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 04 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 02 cấp Bộ; 01 cấp Cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 33 bài báo khoa học, trong đó 12 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0…….

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): ……..

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sơ năm học 2018-2019	Cơ sở	2019
2	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sơ năm học 2024-2025	Cơ sở	2025

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): 0.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Tôi luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ nhà giáo và gương mẫu trong mọi hoạt động, cụ thể: (1) Luôn tuân thủ mục tiêu và nguyên lý giáo dục, thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình giáo dục; (2) Sống và làm việc theo pháp luật, nghiêm túc chấp hành đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước và quy định của nhà trường; (3) Luôn gương mẫu và có tư cách đúng đắn trước sinh viên và đồng nghiệp; (4) Luôn tận tâm làm việc, cống hiến cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Tôi luôn trung thực, khách quan và hợp tác với đồng nghiệp trong hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học công nghệ và quan hệ quốc tế; luôn không ngừng học hỏi, tự nâng cao trình độ, thực hiện tốt các nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu và tích cực đóng góp xã hội.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 15 năm 0 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/ BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2019 - 2020				05	195.00	90.00	285/716/230
2	2020 - 2021			02	3.5	150	0	150/319/230
3	2021 - 2022		01	01	01	315	0	315/509/270
03 năm học cuối								
4	2022 - 2023			01	04	255	0	255/463/270
5	2023 - 2024				05	270	0	270/453/270

6	2024 - 2025				5.5	270	0	270/377/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh.

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☑

- Học ĐH ☐; Tại nước: ……..; Từ năm …… đến năm ……

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☑ hoặc TSKH ☐; tại nước: Bỉ năm 2011.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ……. số bằng: …….; năm cấp:……

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☑

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh.

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN.

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải: ……..…….

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): TOEFL PBT, đạt 577 điểm năm 2006.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ … đến …	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Lê Hoàng Quỳnh	**X**			**X**	12/2014 đến 05/2022	Trường ĐHCN, ĐHQGHN	18/05/2022
2	Nguyễn Thị Quyền		**X**	**X**		11/2019 đến 10/2021	Trường ĐHCN, ĐHQGHN	15/10/2021
3	Nguyễn Đức Đông		**X**	**X**		11/2019 đến 10/2021	Trường ĐHCN, ĐHQGHN	15/10/2021

4	Nguyễn Anh Ngọc		**X**	**X**		06/2019 đến 01/2022	Trường ĐHCN, ĐHQGHN	28/01/2022
5	Nguyễn Thanh Bình		**X**	**X**		05/2021 đến 06/2023	Trường ĐHCN, ĐHQGHN	23/06/2023

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang … đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
Không có.							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
Không có.							

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [ ],……

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang…. đến trang…… (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	Phát triển các phương pháp tối ưu giải quyết các bài toán liên quan đến chuỗi protein	CN	QG.15.21, Cấp Bộ	02/2015 đến 01/2018	25/01/2018/Tốt
2	Học sâu phát hiện các tương tác gây bệnh ở mức phân tử giữa các thực thể y-sinh	CN	QG.20.53, Cấp Bộ	04/2020 đến 05/2024	20/03/2024/Đạt 10/05/2024/Đạt

3	Nghiên cứu phát triển các mô hình tiên tiến giải quyết một số bài toán tin-sinh-y học	CN	CN18.19, Cấp Cơ sở	12/2018 đến 12/2019	17/12/2019/Tốt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							
1	Next generation functional proteomics in non-model plants: a survey on techniques and applications for the analysis of protein complexes and post-translational modifications	9	Không	Phytochemistry/ ISSN: 0031-9422 Online ISSN: 1873-3700	**Có, ISI SCIE, (IF=3.2), Q1**	39	72, 10, 1192-1218	07/2011
2	Use of structural DNA properties for the prediction of transcription-factor binding sites in Escherichia coli	7	Không	Nucleic Acids Research/ ISSN: 0305-1048 eISSN: 1362-4962	**Có, ISI SCIE, (IF = 16.7), Q1**	47	39, 2, e6	01/2011
3	Flexible network reconstruction from relational databases with Cytoscape and CytoSQL	8	Không	BMC bioinformatics/ ISSN: 1471-2105	**Có, ISI SCIE, (IF = 2.9), Q1**	02	11, 1, 360	07/2010
4	A manually curated network of the PML nuclear body	4	Không	International journal of biological sciences/	**Có, ISI SCIE (IF = 8.2),**	271	6, 1, 51–67	01/2010

	interactome reveals an important role for PML-NBs in SUMOylation dynamics			ISSN: 1449-2288	**Q1**			
5	Conditional Random Fields feature subset selection based on Genetic Algorithms for phosphorylation site prediction	6	Có	Proc. International Conference on Knowledge and Systems Engineering (KSE)/ ISBN: 978-0-7695-3846-4	- Scopus	0	7-12	10/2009
6	Prediction of kinase-specific phosphorylation sites using conditional random fields	4	Có	Bioinformatics/ ISSN: 1367-4803 eISSN: 1367-4811	**Có, ISI SCIE (IF = 4.4), Q1**	86	24, 24, 2857-2864	12/2008
7	A pageranking based method for identifying characteristic genes of a disease	3	Có	Proc. IEEE International Conference on Networking, Sensing and Control/ ISSN: 1094-6977 eISSN: 1558-2442	- Scopus	04	15683, ,1496-1499	04/2008
II	Sau khi được công nhận PGS/TS							
8	ELASTIC: Energy-based latent space alignment with second-order influences of memory selection for continual learning	1	Có	Journal of Computer Science and Cybernetics/ ISSN: 1813-9663 eISSN: 2815-5939		0	41, 2, 211–224	06/2025
9	TMMP: Efficient Continual Learning via Mixture of LoRA Experts and Top	5	Có	Proc. Asian Conference on Intelligent Information and Database	- Scopus	0	223-234	04/2025

	Maximum Magnitude Parameter Fusion			Systems (ACIIDS) 2025/ ISBN: 978-981-96-6004-9 eISBN: 978-981-96-6005-6				
10	Dynamic Prompt Selection for Resource-Efficient Continual Learning in Panoptic Segmentation	5	Có	2024 RIVF International Conference on Computing and Communication Technologies/ ISSN: 2162-786X eISSN: 2473-0130	- Scopus	0	372-376	12/2024
11	Integrating Graph and Transformer-Based Models for Enhanced Chemical-Disease Relation Extraction in Document-Level Contexts	4	Có	International Symposium on Information and Communication Technology (SOICT)/ ISSN: 978-981-96-4284-7 eISBN: 978-981-96-4285-4	- Scopus	0	174-187	12/2024
12	Continual Extraction of Semantic Relations using Augmented Prototypes with Energy-based Model Alignment	5	Có	VNU Journal of Science: Computer Science and Communication Engineering/ ISSN: 2615-9260 eISSN: 2588-1086		0	40, 2, 22–31	09/2024
13	Enhancing Biomedical Entity Normalization Through Re-ranking Based on Convolutional Neural Networks	2	Có	2024 International Conference on Multimedia Analysis and Pattern Recognition (MAPR)/ ISSN: 2770-6842	- Scopus	0	1-6	08/2024

				eISSN: 2770-6850				
14	Enhancing Continual Abdominal Multi-Organ and Tumor Segmentation through Best Model Knowledge Distillation and Encoder-Decoder Training	4	Có	2024 Tenth International Conference on Communications and Electronics (ICCE)/ ISSN: 2836-4384 eISSN: 2836-4392	- Scopus	0	492-497	08/2024
15	AMRomics: a scalable workflow to analyze large microbial genome collections	11	Không	BMC genomics/ ISSN: 1471-2164	**Có, ISI SCIE (IF = 3.5), Q1**	01	25, 1, 709	07/2024
16	Contrastive Learning for Boosting Knowledge Transfer in Task-Incremental Continual Learning of Aspect Sentiment Classification Tasks	4	Có	VNU Journal of Science: Computer Science and Communication Engineering/ ISSN: 2615-9260 eISSN: 2588-1086		0	40, 1, 60–70	6/2024
17	Deep Continual Image Classification Based on Memory Prototype and Energy-Based Feature Synchronizing	4	Có	The International Conference on Intelligent Systems & Networks (ICISN 2024)/ ISBN: 978-981-97-5503-5 eISBN: 978-981-97-5504-2		0	182-190	09/2024

18	xCAPT5: protein–protein interaction prediction using deep and wide multi-kernel pooling convolutional neural networks with protein language model	2	Có	BMC Bioinformatics/ ISSN: 1471-2105	**Có, ISI SCIE (IF =2.9), Q1**	12	25, 1, 106	10/2024
19	Document-level chemical-induced disease semantic relation extraction using bidirectional long short-term memory on dependency graph	4	Có	International Journal of Computational Intelligence Systems/ eISSN: 1875-6883	**Có, ISI SCIE (IF = 2.5), Q2**	2	16, 1, 131	08/2023
20	Single Concatenated Input is Better than Indenpendent Multiple-input for CNNs to Predict Chemical-induced Disease Relation from Literature	3	Có	VNU Journal of Science: Computer Science and Communication Engineering/ ISSN: 2615-9260 eISSN: 2588-1086		02	36, 1, 11-16	05/2020
21	Adaptive Large Neighborhood Search Enhances Global Network Alignment	5	Không	VNU Journal of Science: Computer Science and Communication Engineering/ ISSN: 2615-9260 eISSN: 2588-1086		0	35, 1, 46-55	06/2019
22	D3NER: Biomedical named entity recognition using CRF-	4	Có	Bioinformatics/ eISSN 1367-4811	**Có, ISI SCIE (IF = 5.4), Q1**	122	34, 20, 3539–3546	04/2018

	biLSTM improved with fine-tuned embeddings of various linguistic information							
23	Ant colony optimization based founder sequence reconstruction	5	Có	VNU Journal of Science: Computer Science and Communication Engineering/ ISSN: 2615-9260 eISSN: 2588-1086			33, 2, 59-65	01/2018
24	Large-scale exploration of neural relation classification architectures	6	Có	Proc. The 2018 Conference on Empirical Methods in Natural Language Processing (EMNLP), (Rank A)/ ISBN: 978-1-948087-85-8	- Scopus	14	2266-2277	11/2018
25	Learning from multiple classifier systems: Perspectives for improving decision making of QSAR models in medicinal chemistry	9	Không	Current Topics in Medicinal Chemistry/ ISSN: 1568-0266 E-ISSN: 1873-4294	**Có, ISI SCIE, (IF = 2.9), Q2**	02	17, 30, 3269-3288	12/2017
26	Improving chemical-induced disease relation extraction with learned features based on convolutional neural network	6	Có	Proc. International Conference on Knowledge and Systems Engineering (KSE)/ ISBN: 978-1-5386-3577-3 eISBN: 978-1-5386-3576-6	- Scopus	12	292 - 297	11/2017

27	APP-RB: An efficient method for biological network querying based on rebuild procedure	4	Không	2017 4th IEEE NAFOSTED Conference on Information and Computer Science/ ISBN:978-1-5386-3211-6 eISBN:978-1-5386-3210-9	- Scopus		13-18	11/2017
28	Sieve-based coreference resolution enhances semi-supervised learning model for chemical-induced disease relation extraction (*The UET-CAM system in the BioCreAtIvE V CDR task*)	5	Có	Database/ ISSN: 1758-0463	**Có, ISI SCIE, (IF = 3.6), Q1**	19	2016,, baw102	07/2016
29	An efficient algorithm for global alignment of protein-protein interaction networks	5	Không	2015 International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC)/ ISSN: 2162-1020	- Scopus	02	332-336	01/2016
30	Building population-specific reference genomes: a case study of vietnamese reference genome	9	Không	2015 Seventh International Conference on Knowledge and Systems Engineering (KSE)/ eISBN:978-1-4673-8013-3	- Scopus	05	97-102	10/2015
31	Whole genome analysis of a Vietnamese trio	12	Có	Journal of Biosciences/ ISSN: 0250-5991	**Có, ISI SCIE, (IF = 2.1), Q1**	06	40,,113-124	03/2015

				eISSN: 0973-7138				
32	Preliminary results on the whole genome analysis of a Vietnamese individual	11	Có	VNU Journal of Science: Computer Science and Communication Engineering/ ISSN: 2615-9260 eISSN: 2588-1086		02	30, 3, 31-35	09/2014
33	AcoSeeD: An ant colony optimization for finding optimal spaced seeds in biological sequence search	5	Không	Proc. 8th International Conference on Swarm Intelligence (ANTS 2012)/ ISBN: 978-3-642-32649-3 eISBN: 978-3-642-32650-9	- Scopus	11	204-211	09/2012

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 05 ([18], [19], [22], [28], [31]).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố *(Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)*

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
Không có.							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
Không có.							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: ……

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có.					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: ……..…

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có.					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: ..……..

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
Không có.						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): ……

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (ƯV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): ……

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): ……

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): ……

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (ƯV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

……

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (ƯV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: …….

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (ƯV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

……

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (ƯV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

……...

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc ƯV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: …….

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc ƯV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: ……

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: …….

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: ……

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Đặng Thanh Hải